|  |  |
| --- | --- |
| ­**CHÍNH PHỦ**Số: …./2017/NĐ-CPDỰ THẢO LẤY Ý KIẾN 11/10/2017 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 16 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 16 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.*

# CHƯƠNG I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của quỹđầu tư khởi nghiệp sáng tạo và cơ chế đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 18, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14.

2. Đối tượng điều chỉnh:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Khoản 2, Điều 3, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b)Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừakhởi nghiệp sáng tạo quy định tại Khoản 1, Điều 18, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Cáccơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Nghị định này.

## Điều 2.Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (startup)* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh (sau đây gọi tắt là *doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*).

2. *Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo* là quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tưtheo quy định tại Nghị định này để đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. *Huy động vốn theo phương thức đa cấp* là hoạt động huy động vốn sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau, trong đó, người tham gia được hưởng lãi suất, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả đầu tư vốn của mình và của những người trong mạng lưới cấp dưới.

*4. Khoản vay chuyển đổi* là khoản vay do nhà đầu tư cấp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, có thể chuyển đổi thành phần vốn góp, cổ phầncủa doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại một thời điểm trong tương lai, theo điều kiện đã được xác định khi ký kết khoản vay chuyển đổi.

## Điều 3.Các quy định chung

1. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo các hình thức đầu tưmà pháp luật không cấm hoặc thông qua quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Nghị định này.

2. Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (venture capital) là hoạt động đầu tư kinh doanh thông qua việc:

a) Góp vốn thành lập, mua cổ phần,phần vốn góp của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại thời điểm đầu tư, hoặc;

b) Góp vốn mua cổ phần,phần vốn góp của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai dưới hình thức khoản vay chuyển đổi.

c) Đối tượng nhận đầu tư là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa chào bán chứng khoán ra công chứng và khoản đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư.

3. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ của số tiền đầu tư là hợp pháp, không vi phạm luật pháp về phòng, chống rửa tiền của Việt Nam và quốc tế.

4. Cấm huy động vốn đa cấp trong hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

## Điều 4. Ưu đãi thuế cho đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

***Phương án 1: Ưu đãi thuế theo khoản đầu tư***

1. Nhà đầu tư được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạntheo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này.

***Phương án 2: Ưu đãi thuế theo đối tượng***

1. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạotheo quy định tại Nghị định này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chí tại Khoản 3 Điều này là công ty đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Tiêu chí là công ty đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hưởng ưu đãi:

a) Mục tiêu hoạt động nhằm đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Điều lệ công ty nêu rõ: *Công ty này nhằm mục tiêu đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo. Việc góp vốn vào công ty này chỉ phù hợp đối với các nhà đầu tư sẵn sàng chấp nhận mức rủi ro cao tiềm tàng từ việc đầu tư của công ty. Nhà đầu tư góp vốn vào công ty này cần cân nhắc kỹ trước khi tham gia góp vốn”*;

b) Hoạt động của công ty chỉ bao gồm hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

c) Trường hợp được ưu đãi thuế, công ty đầu tư khởi nghiệp sáng tạo phải định kỳ hằng năm báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này.

# CHƯƠNG II

# QUỸ ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

## Điều 5. Thành lậpquỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, do tối đa 30 nhà đầu tưgóp vốn thành lập trên cơ sở điều lệ quỹ.

2. Tài sản góp vốn có thể bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị sử dụng đất và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

3. Tên của quỹ có tiền tố “Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo”.

4. Điều lệ quỹ phải nêu rõ nguyên tắc hoạt động của quỹ: *“Quỹ này nhằm mục tiêu đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Việc đầu tư vào quỹ này chỉ phù hợp đối với các nhà đầu tư sẵn sàng chấp nhận mức rủi ro cao tiềm tàng từ việc đầu tư của quỹ. Nhà đầu tư vào quỹ này cần cân nhắc kỹ trước khi tham gia góp vốn, quyết định đầu tư”*.

5. Toàn bộ số vốn góp và tài sản của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký độc lập với công ty quản lý quỹ.

6. Thẩm quyền quyết định danh mục đầu tư do các nhà đầu tư thống nhất và phải được nêu tại điều lệ quỹ và hợp đồng với công ty quản lý quỹ.

## Điều 6. Tổ chức quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Đại hội nhà đầu tư gồm tất cả các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ, là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ.

2. Đại hội nhà đầu tư bầu ra Ban đại diện quỹ để đại diện cho quyền lợi của các nhà đầu tư. Tối thiểu 2/3 thành viên của Ban đại diện quỹ là nhà đầu tư thành lập quỹ.

3. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được quản lý bởi công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

## Điều 7. Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là công ty quản lý quỹ) được thành lập và tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty quản lý quỹ có nhiệm vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và thực hiện đầu tư theo đúng điều lệ của quỹ và các hợp đồng đã ký kết.

3. Tài sản của công ty quản lý quỹ độc lập với tài sản của quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn, tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho khoản vay của bất cứ bên thứ ba nào.

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ ngoài đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Luật doanh nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Chưa từng bị khởi tố, kết án, dù ở trong hoặc ngoài Việt Nam, về tội gian lận hoặc lừa đảo hoặc tham nhũng hoặc lạm dụng tín nhiệm hoặc tội danh nào đó do không trung thực.

6. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của hồ sơ thông báo thành lập quỹ, hồ sơ thay đổi về quỹ và các báo cáo liên quan đến hoạt động của quỹ.

## Điều 8. Phạm vihoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Quỹ phải có quy chế đầu tư được Đại hộinhà đầu tư thông qua, bao gồm các nội dung sau:

a) Quy trình thẩm định doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

b) Hướng dẫn định giá doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Quy trình giám sát, thoái vốn tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

d) Các nội dung khác (nếu có).

## Điều 9. Điều lệ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Điều lệ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo phải được tất cả nhà đầu tư thông qua.

2. Điều lệ quỹ bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên quỹ đầu tư, ngày thành lập, công ty quản lý quỹ;

b) Mục tiêu hoạt động; lĩnh vực đầu tư; thời hạn hoạt động của quỹ;

c) Vốn góp và quy định về tăng, giảm vốn của quỹ;

d) Quyền và nghĩa vụ (bao gồm lương, thưởng, phí hoạt động) của công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ; các trường hợp thay đổi công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ;

đ) Quy định về Đại hội nhà đầu tư;

e) Quy định về việc lưu giữ sổ đăng ký nhà đầu tư của quỹ;

f) Quy định về phân chia lợi nhuận;

g) Quy định về giải quyết xung đột lợi ích;

h) Quy định về chế độ báo cáo;

i) Quy định về giải thể quỹ;

k) Thể thức tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ.

3. Điều lệ quỹ phải nêu rõ nguyên tắc hoạt động của quỹ quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

## Điều 10. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập theo quy định tại điều lệ quỹ và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng với công ty quản lý quỹ;

b) Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay thế công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ;

c) Giải thể quỹ; hợp nhất, sáp nhập; tăng, giảm vốn điều lệ của quỹ; gia hạn thời hạn hoạt động của quỹ;

d) Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. đ) Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;

e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ.

2. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại điều lệ quỹ. Mỗi nhà đầu tư có số phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp vào quỹ.

2. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư theo yêu cầu của Ban đại diện quỹ, nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số vốn góp trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ quỹ trong các trường hợp sau:

a) Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

b) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Chậm nhất 15 ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan tới tất cả các nhà đầu tư, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi thành lập, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

5. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư như quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có).

## Điều 11. Giao dịch phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và việc thông báo các lợi ích liên quan

1. Các giao dịch sau đây của quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi thực hiện:

a) Giao dịch theo quy định tại điều lệ quỹ;

b) Giao dịch giữa quỹ với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đó là người có liên quan với nhà đầu tư góp vốn từ 35% tổng vốn góp của quỹ hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ quỹ. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

2. Trường hợp điều lệ quỹ không có quy định khác chặt chẽ hơn, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ban đại diện quỹ trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh, đồng thời thông báo cho Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp thường niên các thông tin sau đây:

a) Danh sách của những người có liên quan với công ty quản lý quỹ;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty quản lý quỹ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

## Điều 12. Ban đại diện quỹ

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ được quy định tại điều lệ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau.

3. Trừ khi điều lệ có quy định khác, Ban đại diện quỹ có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra tính tuân thủ, hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong hoạt động của công ty quản lý quỹ;

b) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo của công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký;

c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của công ty quản lý quỹ, quản lý rủi ro và cảnh báo cho các nhà đầu tư.

## Điều 13. Hồ sơ, thủ tục thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Hồ sơ thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo bao gồm các tài liệu sau:

a) Thông báo thành lập quỹ do công ty quản lý quỹ lập theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Điều lệ quỹ;

c) Hợp đồng lưu ký tài sản;

d) Giấy xác nhận của ngân hàng lưu ký về quy mô vốn đã góp.

đ) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức.

e) Biên bản họp và quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị, quyết định của hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu phù hợp với quy định tại điều lệ công ty của nhà đầu tư là tổ chức góp vốn về việc tham gia góp vốn vào quỹ, về việc cử người đại diện phần vốn góp theo uỷ quyền kèm theo hồ sơ cá nhân của người này.

2. Hồ sơ đăng ký quỹ được lập thành 01 bộ gốc gửi tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty quản lý quỹ thành lập.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện ghi nhận việc thành lập quỹ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp hồ sơ thông báo thành lập quỹ không hợp lệ theo quy định tại Nghị định này thì cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản cho công ty quản lý quỹ biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Nếu cơ quan đăng ký kinh doanh không có phản hồi trong thời hạn 05 ngày làm việc trên, hồ sơ thông báo thành lập quỹ coi như hợp lệ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo thành lập quỹ hợp lệ, công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và gửi bản sao hồ sơ thông báo thành lập quỹ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp).

## Điều 14. Tăng, giảm vốn điều lệ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tuân thủ các quy định sau:

a) Điều lệ quỹ có quy định việc tăng, giảm vốn điều lệ;

b) Việc tăng, giảm vốn điều lệ quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư quỹ thông qua;

c) Sau khi điều chỉnh vốn, quỹ vẫn đáp ứng quy định tại Điều 5 Nghị định này;

2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tăng vốn bằng hình thức huy động thêm từ các nhà đầu tư hiện hữu, hoặc huy động vốn từ các nhà đầu tư mới.

3. Trong trường hợp giảm vốn, tài sản phân bổ cho các nhà đầu tư có thể là tiền hoặc các tài sản khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm phân bổ tài sản một cách công bằng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mỗi nhà đầu tư. Việc chuyển tên, đăng ký sở hữu tài sản cho các nhà đầu tư, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

4. Trong thời hạn 07 ngày sau khi hoàn tất việc tăng, giảm vốn của quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc tăng, giảm vốn của quỹ như sau:

a) Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc tăng, giảm vốn và các tài liệu liên quan;

c) Điều lệ quỹ sửa đổi;

d) Biên bản thỏa thuận góp vốn và danh sách các nhà đầu tư góp vốn, số vốn góp, tỷ lệ sở hữu vốn góp trước và sau khi tăng, giảm vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Giấy xác nhận của công ty quản lý quỹ về phần vốn đã góp thêm, danh mục tài sản góp vào quỹ. Trường hợp giảm vốn: giấy xác nhận của công ty quản lý quỹ về việc phân bổ tài sản cho từng nhà đầu tư, trong đó nêu rõ danh mục tài sản đã phân bổ cho nhà đầu tư.

5. Trình tự thủ tục thông báo tăng, giảm vốn của quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định này.

## Điều 15. Hợp nhất, sáp nhập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hợp nhất, sáp nhập với quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác theo quyết định của các Đại hội nhà đầu tư.

2. Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập vẫn phải đáp ứng quy định tại Điều 5 Nghị định này. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập.

3. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ phải nộp bộ hồ sơ thông báo về việc hợp nhất, sáp nhập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo bao gồm các tài liệu sau:

a) Thông báo về việc hợp nhất, sáp nhập quỹ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư về việc hợp nhất, sáp nhập, kèm theo phương án hợp nhất, sáp nhập trong đó nêu rõ nguyên tắc, phương pháp xác định tài sản và giá trị tài sản của từng nhà đầu tư tại ngày hợp nhất, sáp nhập;

c) Trong trường hợp hợp nhất quỹ, tài liệu bổ sung bao gồm điều lệ quỹ hợp nhất.

4. Trình tự thủ tục thông báo hợp nhất, sáp nhập quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định này.

5. Kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa quyền, nghĩa vụ của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập như sau:

a) Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nghĩa vụ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Nhà đầu tư của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.

## Điều 16. Thông báo gia hạn thời gian hoạt động, giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ thực hiện theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ.

2. Trong thời hạn ít nhất 15 ngày, trước khi quỹ kết thúc thời hạn hoạt động, công ty quản lý quỹ thông báo cơ quan đăng ký kinh doanh về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ. Hồ sơ thông báo về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Thông báo về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư của quỹ về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ, trong đó nêu rõ thời gian gia hạn hoạt động của quỹ;

c) Chi tiết danh mục đầu tư và báo cáo giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày định giá gần nhất tính tới ngày nộp hồ sơ gia hạn;

d) Danh sách nhà đầu tư của quỹ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tài liệu về các nhà đầu tư mới (nếu có) theo quy định tại điểm đ, e Khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

đ) Điều lệ sửa đổi của quỹ.

3. Trình tự thủ tục gia hạn thời gian hoạt động của quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định này.

## Điều 17. Thanh lý, giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ;

b) Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ;

c) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

d) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ quỹ.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quỹ giải thể theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều này, hoặc 03 tháng trước ngày tiến hành giải thể quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.

3. Trường hợp không đạt được đồng thuận về phương án giải thể của trên 75% tổng vốn góp, Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho nhà đầu tư theo phương án đã được đại hội nhà đầu tư thông qua.

5. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ không được:

a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ;

b) Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.

6. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm:

a) Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quỹ buộc phải giải thể.

7. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản, công ty quản lý quỹ được chuyển giao danh mục cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư tại quỹ theo nguyên tắc danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải bao hàm đầy đủ các loại tài sản có trong danh mục của quỹ, cơ cấu từng tài sản giống như danh mục của quỹ theo phương án thanh lý và phân phối tài sản.

8. Tiền thu được từ thanh lý tài sản quỹ và các tài sản còn lại được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

b) Các khoản phải trả cho công ty quản lý quỹ, Giám đốc quỹ các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ, Giám đốc quỹ các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi công ty quản lý quỹ và thông qua bởi Ban đại diện quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

## Điều 18. Trình tự, thủ tục thông báo thanh lý, giải thể quỹ

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua việc thanh lý, giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo việc giải thể quỹ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đăng ký thành lập.

2. Hồ sơ thông báo việc thanh lý, giải thể quỹ bao gồm:

a) Thông báo về việc giải thể quỹ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc thanh lý, giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản tại ngày giải thể và thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;

c) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ thông báo giải thể quỹ trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp hồ sơ thông báo giải thể quỹ không hợp lệ thì cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản cho công ty quản lý quỹ biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Nếu cơ quan đăng ký kinh doanh không có phản hồi trong thời hạn 15 ngày làm việc trên, hồ sơ giải thể quỹ coi như hợp lệ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo giải thể quỹ hợp lệ, công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo trên cổng thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và gửi bản sao hồ sơ giải thể quỹ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp).

5. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng không quá 01 năm, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, phí quản lý, phí giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về mức thanh toán trên một phần vốn góp, chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ và giá trị tài sản phân phối cho nhà đầu tư. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh để theo dõi, giám sát.

6. Trong thời hạn 05 ngày,kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ trên cổng thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, quỹ, đồng thời thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) về kết quả giải thể quỹ.

7. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, công ty quản lý quỹ, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

## Điều 19. Trách nhiệm báo cáo của công ty quản lý quỹ

Trừ khi điều lệ quỹ có quy định khác, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo cho Ban đại diện quỹ định kỳ 03 tháng các thông tin:

1. Thông tin về danh mục đầu tư của quỹ, bao gồm số tiền đã đầu tư tại từng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Thông tin về kế hoạch đầu tư, thoái vốn dự kiến (nếu có).

3. Chi phí quản lý, phí thưởng (nếu có) trả cho công ty quản lý quỹ, phí trả cho ngân hàng lưu ký và các phí dịch vụ khác được quy định tại điều lệ quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo.

4. Báo cáo của ngân hàng lưu ký.

5. Các thông tin khác theo yêu cầu của Ban đại diện quỹ.

## Điều 20. Phân chia lợi tức của quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ;

b) Thực hiện sau khi quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);

c) Mức chi trả lợi tức do Đại hội nhà đầu tư quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của quỹ.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư.

## Điều 21. Chuyển nhượng phần vốn góp giữa các nhà đầu tư của quỹ

 1. Nhà đầu tư góp vốn được tự do chuyển nhượng phần vốn góp tại quỹ. Việc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ phần vốn góp tại quỹ phải bảo đảm sau khi chuyển nhượng, quỹ vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, công ty quản lý quỹ thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) về việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các nhà đầu tư như sau:

a) Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các nhà đầu tư, trong đó nêu rõ thông tin về các bên giao dịch, tỷ lệ sở hữu của các bên (trước và sau khi giao dịch); giá trị giao dịch;

b) Hợp đồng chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư có xác nhận của công ty quản lý quỹ.

# CHƯƠNG III

# CƠ CHẾ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

## Điều 22. Nguyên tắc đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Đề án đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi tắt là Đề án) theo các nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt.

2. Nguồn vốn thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác, không sử dụng vốn vay.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tổ chức tài chính địa phương là Cơ quan chủ trì thực hiện Đề án theo một trong hai hình thức sau:

a) Ủy thác nguồn vốn thực hiện Đề án cho tổ chức tài chính của địa phương triển khai thực hiện. Hợp đồng ủy thác đảm bảo các nội dung chính: mục đích ủy thác; phạm vi và nội dung ủy thác (thực hiện Đề án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo); số vốn ủy thác, thời hạn ủy thác, phí ủy thác; đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác; hình thức thanh toán phí ủy thác và chấm dứt hoạt động ủy thác; các nội dung khác.

b) Hoặc giao nhiệm vụ và bổ sung vốn điều lệ cho tổ chức tài chính địa phương để triển khai Đề án.

4. Tổ chức tài chính của địa phương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoặc tổ chức tài chính nhà nước tương đương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

## Điều 23. Hội đồng đầu tư

1. Cơ quan chủ trì Đề án có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đầu tư của Đề án (sau đây gọi là Hội đồng đầu tư).

2. Chủ tịch Hội đồng đầu tư là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của tổ chức tài chính địa phương. Thành viên Hội đồng đầu tư bao gồm đại diện các Sở, ngành liên quan và một số chuyên gia về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo. Số lượng thành viên của Hội đồng do địa phương tự quyết định, nhưng không quá 09 người. Cơ quan thường trực của Hội đồng là Cơ quan chủ trì Đề án.

3. Chủ tịch Hội đồng đầu tư ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

4. Hội đồng đầu tư có trách nhiệm xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác thực hiện Đề án, trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt. Tiêu chí lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

## Điều 24. Đối tác thực hiện Đề án

1. Đối tác thực hiện Đề án là các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Nghị định này, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nhà đầu tư là pháp nhân trong nước đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện là đối tác thực hiện Đề án:

Cơ quan chủ trì Đề án quyết định các điều kiện lựa chọn đối tác thực hiện Đề án đảm bảo đáp ứng các quy định sau:

a) Thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Tối thiểu 01 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

c) Cam kết thực hiện đúng các nội dung của Đề án;

d) Có khả năng tự trang trải các chi phí khi tham gia thực hiện Đề án;

đ) Các điều kiện khác mà Đề án quy định.

3. Hằng năm, Cơ quan chủ trì Đề án tiến hành rà soát và cập nhật, điều chỉnh danh sách các đối tác thực hiện Đề án.

## Điều 25. Đối tượng nhận đầu tư từ Đề án

Đối tượng nhận đầu tư là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trong các lĩnh vực mà địa phương ưu tiên phát triển và đã được ít nhất một trong các đối tác thực hiện Đề án lựa chọn đầu tư.

## Điều 26. Hình thức và phương thức đầu tư

1. Các đối tác thực hiện Đề án đánh giá và đề xuất phương án lựa chọn các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, gửi Cơ quan chủ trì Đề án quyết định đối với khoản đầu tư từ nguồn vốn của Đề án. Quyết định đầu tư bằng nguồn vốn của các đối tác thực hiện Đề án không phụ thuộc vào quyết định của Cơ quan chủ trì Đề án.

2. Hình thức đầu tư:

a) Góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại thời điểm đầu tư, hoặc;

b) Góp vốn thành lập, mua cổ phần,phần vốn góp của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại một thời điểm trong tương lai dưới hình thức khoản vay chuyển đổi.

3. Khoản vốn đầu tư từ Đề án cho một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không vượt quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp này huy động được và không vượt quá hạn mức đầu tư tối đa do Đề án quy định.

4. Cơ quan chủ trì Đề án cử người đại diện phần vốn góp của ngân sách địa phương tại doanh nghiệp nhận đầu tư và phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với khoản đầu tư theo quy định.

## Điều 27. Thời hạn đầu tư

Thời hạn đầu tư là tối đa 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Thời điểm góp vốn đầu tư là ngày ký kết hợp đồng đầu tư giữa tổ chức tài chính địa phương hoặc quỹ đầu tư phát triển địa phương với doanh nghiệp nhận đầu tư.

## Điều 28. Chuyển nhượng vốn đầu tư từ Đề án

1. Trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư, tổ chức tài chính địa phương tiến hành việc chuyển nhượng phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cho nhà đầu tư tư nhân.

2. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Ưu tiên chuyển nhượng vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhận đầu tư và các đối tác thực hiện Đề án.

4. Thu nhập từ việc chuyển nhượng các khoản vốn góp đầu tư trên được chuyển về ngân sách địa phương theo tỷ lệ được quy định tại Đề án. Cơ quan chủ trì Đề án được giữ lại một phần để bù đắp chi phí thực hiện.

## Điều 29. Trích lập quỹ dự phòng, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Cơ quan chủ trì Đề án phải trích lập quỹ dự phòng đối với khoản đầu tư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Trong trường hợp số tiền thu về sau khi chuyển nhượng vốn đầu tư từ Đề án thấp hơn so với số vốn đầu tư ban đầu hoặc doanh nghiệp nhận đầu tư bị phá sản thì Cơ quan chủ trì Đề án xây dựng phương án xử lý báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chuyển khoản đầu tư thành khoản tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

## Điều 30. Đánh giá thực hiện Đề án

Cơ quan chủ trì Đề án tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

# CHƯƠNG IV

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

## Điều 31. Báo cáo, kiểm tra hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

1. Trước 31/12 hàng năm, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình hoạt động tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đăng ký thành lập và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Khi xét thấy cần thiết, cơ quan đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Nghị định này.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) có quyền trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công ty quản lý quỹ theo những nội dung trong hồ sơ thông báo thành lập quỹ và các hồ sơ khác về quỹ quy định tại Nghị định này.

## Điều 32. Chế độ kế toán và tài chính

***Phương án 1: Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán mới cho quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo***

1. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

2. Việc chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận vào và ra khỏi lãnh thổ Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và quản lý ngoại hối.

***Phương án 2: Áp dụng chế độ kế toán hiện hành đối với quỹ đầu tư chứng khoán***

1. Chế độ kế toán cho quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo áp dụng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản sửa đổi theo từng thời kỳ.

2. Việc chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận vào và ra khỏi lãnh thổ Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và quản lý ngoại hối.

## Điều 33. Trách nhiệm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhận đầu tư

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhận đầu tư có nghĩa vụ:

1. Cung cấp thông tin trung thực trong quá trình gọi vốn đầu tư.

2. Sử dụng vốn đầu tư một cách cẩn trọng, theo đúng quy định tại các hợp đồng đã ký kết với nhà đầu tư.

## Điều 34. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính và có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## Điều 35. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

1. Nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo thành lập quỹ, thông báo các nội dung về quỹ theo quy định tại Nghị định này là giả mạo, không trung thực.

2. Hoạt động của quỹ không tuân thủ các quy định tại Nghị định này.

3. Thay đổi nội dung vềquỹ trong vòng 06 tháng mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp).

4. Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định này trong 02 năm.

5. Trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

# CHƯƠNG V

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn thông báo thành lập, thông báo các nội dung về quỹ theo quy định tại Điều 13, 14, 15, 16, 18 và 31 Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định này khi cần thiết.

## Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Hướng dẫn chế độ kế toán và tài chính quy định tại Điều 32, hướng dẫn việc trích lập quỹ dự phòng đối với khoản đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 29 Nghị định này.

## Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá Đề án đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về kết quả và tình hình thực hiện Đề án đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định này.

3. Kiến nghị những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Đề án đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; kiến nghị bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.

## Điều 39. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày…..tháng…năm 2018. Các văn bản quy phạm pháp luật trái với quy định tại Nghị định này hết hiệu lực thi hành.

2. Các nhà đầu tư đang có hoạt động đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu và đáp ứng các quy định tại Nghị định này được chuyển đổi thành quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan, căn cứ chức năng và thẩm quyền để hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, Chính phủ rà soát, chỉnh sửa Nghị định khi thấy cần thiết.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc các tổ chức tài chính địa phương, người đứng đầu các cơ quan tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, ĐMDN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

MỤC LỤC

[CHƯƠNG I 1](#_Toc495412944)

[QUY ĐỊNH CHUNG 1](#_Toc495412945)

[Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh 1](#_Toc495412946)

[Điều 2. Giải thích từ ngữ 2](#_Toc495412947)

[Điều 3. Các quy định chung 2](#_Toc495412948)

[Điều 4. Ưu đãi thuế cho đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 3](#_Toc495412949)

[CHƯƠNG II 4](#_Toc495412950)

[QUỸ ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO 4](#_Toc495412951)

[Điều 5. Thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 4](#_Toc495412952)

[Điều 6. Tổ chức quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 4](#_Toc495412953)

[Điều 7. Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 4](#_Toc495412954)

[Điều 8. Phạm vi hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 5](#_Toc495412955)

[Điều 9. Điều lệ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 5](#_Toc495412956)

[Điều 10. Đại hội nhà đầu tư 6](#_Toc495412957)

[Điều 11. Giao dịch phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và việc thông báo các lợi ích liên quan 7](#_Toc495412958)

[Điều 12. Ban đại diện quỹ 8](#_Toc495412959)

[Điều 13. Hồ sơ, thủ tục thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 8](#_Toc495412960)

[Điều 14. Tăng, giảm vốn điều lệ quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 9](#_Toc495412961)

[Điều 15. Hợp nhất, sáp nhập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 10](#_Toc495412962)

[Điều 16. Thông báo gia hạn thời gian hoạt động, giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 11](#_Toc495412963)

[Điều 17. Thanh lý, giải thể quỹ 11](#_Toc495412964)

[Điều 18. Trình tự, thủ tục thông báo thanh lý, giải thể quỹ 13](#_Toc495412965)

[Điều 19.Trách nhiệm báo cáo của công ty quản lý quỹ 14](#_Toc495412966)

[Điều 20. Phân chia lợi tức của quỹ 14](#_Toc495412967)

[Điều 21. Chuyển nhượng phần vốn góp giữa các nhà đầu tư của quỹ 15](#_Toc495412968)

[CHƯƠNG III 15](#_Toc495412969)

[CƠ CHẾ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 15](#_Toc495412970)

[Điều 22. Nguyên tắc đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước 15](#_Toc495412971)

[Điều 23. Hội đồng đầu tư 16](#_Toc495412972)

[Điều 24. Đối tác thực hiện Đề án 16](#_Toc495412973)

[Điều 25. Đối tượng nhận đầu tư từ Đề án 17](#_Toc495412974)

[Điều 26. Hình thức và phương thức đầu tư 17](#_Toc495412975)

[Điều 27. Thời hạn đầu tư 18](#_Toc495412976)

[Điều 28. Chuyển nhượng vốn đầu tư từ Đề án 18](#_Toc495412977)

[Điều 29. Trích lập quỹ dự phòng, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro 18](#_Toc495412978)

[Điều 30. Đánh giá thực hiện Đề án 18](#_Toc495412979)

[CHƯƠNG IV 19](#_Toc495412980)

[QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO 19](#_Toc495412981)

[Điều 31. Báo cáo, kiểm tra hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo 19](#_Toc495412982)

[Điều 32. Chế độ kế toán và tài chính 19](#_Toc495412983)

[Điều 33. Trách nhiệm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhận đầu tư 20](#_Toc495412984)

[Điều 34. Xử lý vi phạm 20](#_Toc495412985)

[Điều 35. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty quản lý quỹ 20](#_Toc495412986)

[CHƯƠNG V 20](#_Toc495412987)

[TỔ CHỨC THỰC HIỆN 20](#_Toc495412988)

[Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư 20](#_Toc495412989)

[Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Tài chính 21](#_Toc495412990)

[Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 21](#_Toc495412991)

[Điều 39. Điều khoản thi hành 21](#_Toc495412992)